

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN ĐỒNG ANH XUÂN

TÓM TẮT:

Hiện nay, xu hướng chung trên thế giới là chuyển dịch từ mô hình Nhà nước kiểm soát sang mô hình Nhà nước giám sát với mức độ tự chủ cao hơn để tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học vận hành hiệu quả. Trong khuôn khổ bài viết này, trên cơ sở các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam, tác giả chỉ ra một số khó khăn, vướng mắc của các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị, giải pháp góp phần tháo gỡ những “điểm nghẽn” nhằm thúc đẩy thực hiện tự chủ một cách thực chất và hiệu quả.

Từ khóa: giáo dục đại học, tự chủ đại học, hội đồng trường.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, tự chủ đại học (TCĐH) đã được đề cập trong các văn bản pháp luật từ khá sớm và chính thức được quy định bởi Luật Giáo dục đại học năm 2012 với một số quy định nguyên tắc và quy định cụ thể cơ chế thi hành bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện, vẫn còn nhiều vấn đề vướng mắc cả về pháp lý và năng lực tự chủ đại học. Vì vậy, tác giả nhận thấy cần nghiên cứu sâu hơn vấn đề tự chủ đại học và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện tự chủ đại học tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm thúc đẩy thực hiện tự chủ đại học thực chất và hiệu quả trong thời gian tới.

2. Một số vấn đề lý luận về tự chủ đại học

2.1. Quan niệm về tự chủ đại học

TCĐH phát sinh cùng với sự ra đời của giáo dục đại học (GDĐH), phản ánh mối quan hệ giữa Nhà nước với các cơ sở GDĐH theo xu hướng giảm dần sự kiểm soát trực tiếp của Nhà nước đối với các cơ

sở GDĐH. Thực tiễn cho thấy, có nhiều cách hiểu khác nhau về TCĐH tùy thuộc vào trình độ phát triển và nhận thức của mỗi quốc gia về vai trò của giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng. Theo Berdahl, Graham và Piper (1971), “TCĐH là quyền lực của nhà trường được tự điều khiển việc vận hành của mình mà không bị kiểm soát từ bên ngoài”. [6] Theo Anderson and Johnson (1998), “TCĐH là sự tự do của một cơ sở GDĐH trong việc điều hành các công việc của nó mà không có sự chỉ đạo hoặc tác động từ bất cứ cấp chính quyền nào”. [7]

Hiệp hội Quốc tế các trường Đại học (International Association of Universities - IAU) trong tuyên bố về tự do học thuật, TCĐH và trách nhiệm xã hội (1998), cho biết, “TCĐH được hiểu là mức độ độc lập cần thiết đối với sự can thiệp bên ngoài mà trường đại học cần có trong tổ chức và quản trị nội bộ, trong phân bổ nội bộ các nguồn lực tài chính và huy động thu nhập từ các nguồn ngoài ngân sách, trong tuyển dụng giảng viên, trong quy định các điều kiện học tập và cuối cùng trong việc

tự do giảng dạy và nghiên cứu”. Theo Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam (2016), “TCĐH phản ánh mối quan hệ giữa trường đại học và Chính phủ, mức độ can thiệp của Chính phủ vào những vấn đề khác nhau của trường đại học”. [4]

TCĐH thể hiện khả năng chủ động của các cơ sở GDĐH trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược của mình mà không bị ràng buộc bởi các quy định và quản lý hành chính của Nhà nước nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong hoạt động, bao gồm các thành tố sau:

- *Tự chủ học thuật*: Là giá trị cốt lõi của TCĐH, các cơ sở GDĐH tự quyết định các hoạt động học thuật và phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, nội dung chương trình và giáo trình; các chuẩn mực học thuật, tiêu chuẩn văn bằng, kiểm định chất lượng và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- *Tự chủ tài chính*: Cơ sở GDĐH tự đảm bảo các nguồn lực phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; tự quyết định và chủ động khai thác, tìm kiếm các nguồn tài chính; cách thức sử dụng các nguồn tài chính và tài sản hiện có, đầu tư cho tài sản tương lai; cân đối các nguồn tài chính nhằm đảm bảo hệ thống tài chính minh bạch, tuân thủ pháp luật.

- *Tự chủ tổ chức và quản lý*: Cơ sở GDĐH tự quyết định và chủ động xây dựng chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự, tuyển dụng, bổ nhiệm và chế độ chính sách đối với người lao động.

2.2. Xu thế tự chủ đại học trên thế giới

TCĐH là xu hướng phát triển tất yếu đối với các cơ sở GDĐH trên thế giới, các nghiên cứu TCĐH trên thế giới thường tập trung vào mối quan hệ giữa Nhà nước và các cơ sở GDĐH cho thấy mức độ tự chủ - thể hiện ở mức độ kiểm soát của Nhà nước đối với các cơ sở GDĐH. Dựa vào mức độ kiểm soát của nhà nước đối với các cơ sở GDĐH, World Bank (2008) trong Báo cáo về xu hướng toàn cầu trong quản trị đại học đã đưa ra 4 mô hình tự chủ đại học khác nhau, từ mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn (state control) ở Malaysia, đến các mô hình bán tự chủ (semi-autonomous) ở Pháp và New Zealand, mô hình bán độc lập (semi-independent) ở Singapore và mô hình độc lập (independent) ở Mỹ, Anh, Úc.

Đối với mô hình Nhà nước kiểm soát thì các cơ sở GDĐH vẫn được hưởng mức độ tự chủ nhất định vì những lý do tài chính và thực tiễn, Nhà nước không thể kiểm soát được tất cả các hoạt động của cơ sở GDĐH. Ngược lại, mô hình độc lập vẫn có những mặc định về quyền quản lý của Nhà nước thông qua các công cụ gián tiếp như ban hành quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDĐH, chính sách, chiến lược phát triển, yêu cầu các cơ sở GDĐH có trách nhiệm minh bạch thông tin và thực hiện trách nhiệm giải trình.

Thực tiễn cho thấy, TCĐH giúp cho các cơ sở GDĐH vận hành tốt hơn, hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời cũng làm tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở GDĐH, tạo điều kiện để đa dạng hóa các hoạt động GDĐH.

3. Một số kết quả thực hiện tự chủ đại học

Ở Việt Nam, TCĐH đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ hệ thống GDĐH vận hành theo mệnh lệnh và chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, đến nay quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH đã được mở rộng thông qua việc ban hành và thực thi các chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “...thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới...”.

Luật GDĐH năm 2012 ra đời đặt cơ sở pháp lý cho thực hiện TCĐH ở Việt Nam. Khoản 1 Điều 32 Luật GDĐH năm 2012 khẳng định: “Cơ sở GDĐH tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng GDĐH...”. Để cụ thể quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thúc đẩy TCĐH ở Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017. Điều 1 Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 quy định “Cơ sở GDĐH công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện...”. Trong giai đoạn 2015-2017, Chính phủ đã phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động cho 23 cơ sở GDĐH công lập trực thuộc các bộ, ngành. Ngày 19/11/2018 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH với mục tiêu mở

rộng phạm vi, nâng cao hiệu quả TCDH và tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH trước xã hội, người học.

Ngoài ra, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH đã quy định cụ thể quy trình, thủ tục thành lập, công nhận HĐT, công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch HĐT... Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí... thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã quy định chi tiết giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; cách phân loại, tiêu chí xác định mức độ TCDH.

Nhìn chung, thực hiện TCDH đã trở thành xu thế tất yếu, vừa là mục tiêu, vừa là động lực giúp các cơ sở GDĐH phát huy tính chủ động, sáng tạo. Việc thực hiện TCDH của các cơ sở GDĐH bước đầu đạt được một số kết quả tích cực:

Một là, các cơ sở GDĐH đã chủ động rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chủ động tăng số lượng giảng viên và giảm số lượng lao động khối hành chính, phục vụ; thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia trình độ chuyên môn cao với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2018-2021, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng từ 25% lên trên 31%; tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư 0,5%/năm và phó giáo sư tăng 5 - 6%/năm. Thúc đẩy các cơ sở GDĐH thành lập HĐT: 154/170 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập HĐT theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH năm 2018.

Hai là, bên cạnh việc mở ngành đào tạo mới, phát triển các chương trình liên kết đào tạo trong nước và ngoài nước, các cơ sở GDĐH đã tích cực điều chỉnh các chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu của xã hội; đổi mới phương pháp giảng dạy tiên tiến, tiếp cận chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế, chủ động tăng cường công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục. Vì vậy, quy mô tuyển sinh sinh viên hệ đại trà có xu

hướng giảm, quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh có xu hướng tăng. Về khoa học và công nghệ, số lượng bài báo quốc tế trong danh mục Web of Science tăng thêm 3,5 lần sau 4 năm; số bài báo trong danh mục Scopus tăng thêm hơn 4 lần. Sản phẩm của các đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ đã tăng đáng kể, trung bình 25%/năm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Ba là, bên cạnh những hoạt động giải trình với chính phủ, xã hội, một số cơ sở GDĐH bắt đầu tham gia những hoạt động kiểm định chất lượng quốc tế uy tín như tham gia vào các bảng xếp hạng đại học (Bảng xếp hạng QS hoặc THE) hoặc các chương trình kiểm định chất lượng uy tín của khu vực như AUN-QA, HCERES. Theo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam hiện nay có 4 cơ sở GDĐH được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước ngoài và 9 cơ sở GDĐH lọt vào bảng xếp hạng Times Higher Education.

Bốn là, thực hiện TCDH thúc đẩy các cơ sở GDĐH chủ động trong tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo nhu cầu của xã hội, tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp để tạo ra các giá trị thực tiễn thông qua việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tác động tích cực đến việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính. Hiện nay, có 32,8% cơ sở GDĐH tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư, 13,8% cơ sở GDĐH bảo đảm chi thường xuyên.

4. Một số vấn đề đặt ra trong thực hiện tự chủ đại học

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực hiện TCDH ở Việt Nam đang đứng trước khó khăn, thách thức cần được tháo gỡ trong thời gian tới.

Một là, cơ sở pháp lý về TCDH thiếu đồng bộ, thiếu cụ thể, rõ ràng dẫn đến khó khăn khi triển khai thực hiện. Ví dụ như Điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH quy định “các cơ sở GDĐH thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật...”. Tuy nhiên, trong lĩnh vực GDĐH còn bị chi phối bởi rất nhiều quy định khác như Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... Chẳng hạn, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật

chất, mua sắm trang thiết bị, sử dụng tài sản vào liên doanh, liên kết còn vướng mắc do phải thực hiện theo trình tự, thủ tục và định mức quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước.

Hai là, thực hiện quy định pháp luật về Hội đồng trường (HĐT) của nhiều cơ sở GDĐH còn hình thức, hiệu lực, hiệu quả chưa cao do chưa phân định đầy đủ, rõ ràng vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT trong các mối quan hệ bên trong và bên ngoài Nhà trường; bộ máy giúp việc cho HĐT chưa được thành lập. Vai trò giám sát thực hiện các quyết nghị của HĐT chưa hiệu quả, chủ yếu xem xét các báo cáo mà chưa đưa ra ý kiến phản biện hoặc thẩm định.

Ba là, cơ chế phân bổ NSNN chủ yếu căn cứ theo mức độ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên mà chưa gắn với kết quả sản phẩm đầu ra, hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của cơ sở GDĐH. Mặt khác, cơ chế phân bổ NSNN chưa thực sự trở thành công cụ điều tiết quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

Bốn là, nguồn thu sự nghiệp của các cơ sở GDĐH phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu học phí. Trong khi, nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là một trong những hoạt động chính, quan trọng của các cơ sở GDĐH nhưng chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Ngoài ra, nguồn thu sự nghiệp của một số cơ sở GDĐH ở địa phương do điều kiện kinh tế - xã hội phát triển chưa cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học nên việc huy động nguồn tài chính gặp khó khăn, quy mô nguồn thu nhỏ và phụ thuộc rất lớn vào NSNN cấp - một trong những rào cản lớn khi thực hiện TCĐH. Mặt khác, do các cơ sở GDĐH công lập bị ràng buộc pháp lý trong quyền sở hữu của nhà nước nên việc sử dụng vốn, tài sản trở thành tài sản đảm bảo để tiếp cận vốn vay hoặc định giá góp vốn trong hoạt động liên doanh, liên kết mang lại nguồn thu còn hạn chế.

Năm là, bên cạnh những hoạt động giải trình với chính phủ, xã hội, một số cơ sở GDĐH công lập bắt đầu tham gia hoạt động kiểm định chất lượng quốc tế. Tuy nhiên, những hoạt động này chiếm tỷ lệ nhỏ, thực tế cho thấy trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH chủ yếu giải trình với cơ quan nhà nước mà chưa quan tâm đúng mức đến giải trình với xã hội và người học.

5. Giải pháp thực hiện tự chủ đại học

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và các quy định pháp luật quan liên, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy tự chủ đại học đi vào thực chất, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở GDĐH công lập thời gian tới:

Một là, tách bạch quản lý nhà nước với quyền quản trị đại học của các cơ sở GDĐH

Xu hướng trên thế giới phân cấp quản lý rõ ràng giữa Nhà nước với các cơ sở GDĐH, các cơ sở GDĐH được mở rộng quyền tự chủ, không còn trực thuộc bộ chuyên ngành quản lý, vai trò quản lý nhà nước chỉ tập trung vào những vấn đề lớn như chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển GDĐH và phát triển hiệu quả hệ thống kiểm định chất lượng GDĐH. Đối với các cơ sở GDĐH, mở rộng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm định chất lượng độc lập theo chuẩn quốc gia và quốc tế để bảo đảm lợi ích của xã hội, người học và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hai là, xây dựng HĐT thực chất, đúng nghĩa

Cơ chế hội đồng quản trị trong các cơ sở GDĐH của các quốc gia có nền giáo dục phát triển đã chứng minh được tính chất hiệu quả, là do đã tách bạch quản trị (trách nhiệm của HĐT) ra khỏi quản lý (trách nhiệm của ban giám hiệu), tách việc quản trị ra khỏi những mối quan hệ về quyền lợi vật chất. Do vậy, việc thành lập và trao đầy đủ quyền lực cho HĐT thông qua hệ thống văn bản pháp lý cụ thể, rõ ràng, thống nhất về thẩm quyền, trách nhiệm và mối quan hệ bên trong và bên ngoài nhà trường là điều cần thiết. Kinh nghiệm từ các quốc gia có nền giáo dục phát triển cho thấy, sự cần thiết phải đa dạng thành phần HĐT, thành viên ngoài trường nhiều hơn thành phần bên trong trường và đại diện cho những tiếng nói khác nhau để tạo ra cơ chế giám sát hợp lý, hạn chế việc lạm quyền và nâng cao trách nhiệm cá nhân của người quản lý, làm cho nhà trường gắn bó với lợi ích và nhu cầu của xã hội.

Ba là, trao quyền tự chủ đại học toàn diện cho các cơ sở GDĐH

Thực tế cho thấy, TCĐH là điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên

cửu khoa học, bao gồm 3 thành tố cơ bản, có quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình mở rộng quyền TCDH toàn diện: Tự chủ về tổ chức và quản lý, tự chủ về tài chính, tự chủ về học thuật. Trong đó, tự chủ về tài chính đóng vai trò nòng cốt vì đảm bảo cho các cơ sở GDĐH trang trải các chi phí về nhân sự, học thuật và từ đó mới có thể nâng cao chất lượng học thuật và cạnh tranh thu hút giảng viên có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, cần trao quyền tự chủ tài chính toàn diện cho các cơ sở GDĐH từ khâu thu cho đến khâu chi, từ việc quản trị các nguồn tài chính theo mô hình doanh nghiệp cho đến việc kinh doanh các nguồn lực tài chính để huy động và phát triển hiệu quả các nguồn thu và tài sản phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu theo hướng đổi mới và hội nhập quốc tế.

Bốn là, xây dựng cơ chế, chính sách hiệu quả để thu hút đầu tư của xã hội cho phát triển GDĐH

Để tạo nguồn tài chính bền vững cho các cơ sở GDĐH thì cần các giải pháp, chính sách hiệu quả thu hút đầu tư của xã hội cho GDĐH. Nhà nước cần đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ sở GDĐH theo cơ chế cạnh tranh dựa trên các tiêu chí về giảng dạy và nghiên cứu. Các cơ sở GDĐH cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường hợp tác chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu để nghiên cứu khoa học trở thành nguồn thu chủ yếu trong các cơ sở GDĐH; thực hiện hiệu quả các giải pháp, chính sách huy động quỹ hiến tặng từ cựu sinh viên và doanh nghiệp. Ngoài ra, Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế pháp lý về sử dụng tài sản công trong các cơ sở GDĐH công lập khi thành lập các đơn vị liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong

nước và nước ngoài nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các tài sản công theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH ngày 19/11/2018, Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ.

Năm là, rà soát, sắp xếp lại các cơ sở GDĐH công lập

Việc sắp xếp này được thực hiện theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: "... chuyển đổi trường đại học công lập kém hiệu quả sang mô hình hợp tác công - tư...". Thực hiện tốt nhiệm vụ này góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước thông qua phương thức đặt hàng, đấu thầu và tập trung nguồn tài chính cho các cơ sở GDĐH công lập. Đối với các cơ sở GDĐH thực hiện sắp xếp bộ máy, nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện cơ chế khoán chi thường xuyên; sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH ngày 19/11/2018, Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ.

6. Kết luận

Thời gian qua, thực hiện TCDH ở Việt Nam đã mang lại một số kết quả tích cực, nhiều cơ sở GDĐH đã nâng cao vị thế và dần khẳng định vai trò là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện TCDH vẫn còn những khó khăn, vướng mắc đòi hỏi sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ để các cơ sở GDĐH công lập tiếp tục thực hiện hiệu quả TCDH ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Báo cáo kết quả đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Báo cáo một số kết quả triển khai chính sách tự chủ đại học.
3. Chính phủ (2021), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam (2016), Kỷ yếu hội thảo khoa học: Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức

5. Quốc hội (2018), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH ngày 19/11/2018.
6. Berdahl, R., Graham, J., & Piper, D. R. (1971), *Statewide Coordination of Higher Education*. Washington: American Council on Education.
7. Don Anderson và Richard Johnson (1998), “University Autonomy in Twenty Countries”, ISBN 0 642 23759 X, page 8.
8. Fielden, J. (2008), *Global Trends in University Governance*. Education Working Paper Series, number 9. Washington, D. c., World Bank.
9. World Bank (2020), *Higher Education Sector Report Improving the Performance of Higher Education in Vietnam: Strategic Priorities and Policy Options*.

Ngày nhận bài: 4/6/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 16/6/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/7/2023

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN ĐỒNG ANH XUÂN

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

ISSUES RISING IN THE IMPLEMENTATION OF UNIVERSITY AUTONOMY MECHANISM AND SOLUTIONS FOR VIETNAMESE UNIVERSITIES

● **Ph.D NGUYEN DONG ANH XUAN**

Hanoi University of Industry

ABSTRACT:

Currently, the higher education sector of many countries around the world has experienced a shift from a state-controlled model to a state-supervised model with a higher degree of autonomy to create conditions for higher education institutions to operate effectively. Based on Vietnam's current regulations and the practical autonomy of Vietnamese universities implementation, this paper points out some difficulties and obstacles facing higher education institutions. Based on the paper's findings, some solutions are proposed to help Vietnamese universities resolve problems and implement autonomy in a substantive and effective manner.

Keywords: higher education, university autonomy, school board.